TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2022/DS-PT Ngày 06-4-2022	
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí;

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLPT-DS, ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Văn C, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn C - P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn C - P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền ngày 18/01/2021 và giấy ủy quyền ngày 31/3/2021); vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Lương Văn C: Bà Nguyễn Thị Ngọc A - Luật sư Văn phòng Luật sư P & cộng sự; địa chỉ: Số 87, đường Nguyễn Đình C, phường T, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc Giang; cư trú tại: Số 86, đường L, khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nông Kim T, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Hoàng Viết T, địa chỉ: Thôn C, xã Hoàng Văn T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền ngày 26/01/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Vi Văn P - Luật sư Văn phòng Luật sư PT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ số 114, đường Lê Đại H, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn:*

1. Anh Lương Văn H, sinh năm 1983; vắng mặt.

2. Bà Hà Thị Á , sinh năm 1950; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C - P, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

4. Chị Lương Thị B, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lương Văn H, bà Hà Thị Á, chị Lương Thị B: Chị Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn C - P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền ngày 18/01/2021 và giấy ủy quyền ngày 31/3/2021); vắng mặt có đơn xi xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn:

1. Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1989; có mặt

2. Anh Hoàng Viết B, sinh năm 1998; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn

3. Anh Hoàng Viết T, sinh năm 1996; có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Hoàng Văn T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Văn V và anh Hoàng Viết B: Anh Hoàng Viết T, địa chỉ: Thôn C, xã Hoàng Văn T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền ngày 26/01/2021); có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1948; cư trú tại: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Hoàng Ký N, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1956; cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn C - P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Lầu Thị N, sinh năm 1932; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Ông Hoàng Văn Nghé, sinh năm 1954; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

9. Ông Âu Văn B, sinh năm 1964; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Bà Hà Thị K, sinh năm 1938; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:* Ông Hoàng Văn T - Giám định viên tư pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nông Kim T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Lương Văn Chu khởi kiện bà Nông Kim Thanh về việc tranh chấp đối với thửa số 02, tờ bản đồ số 26 với diện tích là 1.325 m^2 đất, tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã H, huyện C đo vẽ năm 2001 tại địa danh: Chè S, thôn N, xã H, huyện C tỉnh Lạng Sơn.

Khu đất có kích thước và vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lương Văn C có cạnh dài 0,38m +15,31m +10,56m + 8,35m; phía Nam giáp đất ông Lương Văn C có cạnh dài 3,88m + 6,56m + 2,33m + 20,82m; phía Tây giáp đất ông Lương Văn C có cạnh dài 7,94m + 5,92 + 9,01m; phía Đông giáp đường nhựa đi Nghĩa trang Đ có cạnh dài 3,65m +5,59m + 12,40 m +1,42m (theo mảnh trích đo ngày 14/4/2021).

Ông Lương Văn C và người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị H trình bày: Trước năm 1979 đất tranh chấp là rừng hồi của gia đình ông, sau do chiến tranh cây hồi không còn, con cái còn nhỏ, đất rộng không canh tác được hết nên ông đã cho một số hộ dân trong thôn N, xã H trồng nhờ các loại cây ngắn ngày để phục vụ đời sống hàng ngày trong đó có gia đình ông Hoàng Công T, đến năm 1989 các hộ dân không làm nữa, gia đình ông tiếp tục quản lý, sử dụng mảnh đất trên, ông trồng cây tre, cây chè, cây xoan trên toàn bộ khu đất trong đó có diện tích đất hai bên đang tranh chấp hiện nay. Đến năm 1996 ông được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng tại khoảnh 141, diện tích 1,52 ha, địa danh Chè Slá. Đến năm 2001 thì Nhà nước thu hồi một phần để làm Dự án đường trục chính nghĩa trang Đ, diện tích thu hồi bao gồm các thửa: 02, 03, 04, 05, 06 và được nhận tiền đền bù là 4.582.942 đồng. Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bà Nông Kim T chấm dứt

việc tranh chấp đất đai đối với thửa số 02, tờ bản đồ số 26 với diện tích là 1.325m^2.

Sau khi có kết quả xem xét thẩm định, xác định phần đất tranh chấp của thửa số 02, tờ bản đồ 26 thực tế chỉ còn lại là 929m^2 ông Lương Văn C yêu cầu:

Đề nghị được công nhận và giao quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp theo kết quả Cơ quan chuyên môn đo vẽ được là 929m^2 (bao gồm S1 = 697,1m^2 và S2 = 231,9m^2) là phần diện tích đất còn lại của thửa số 02 tờ tờ bản đồ địa chính số 26 và 08 cây chè trên 05 năm, 02 cây chè dưới 02 năm do ông Lương Văn C trồng năm 1980, 01 cây cam do anh Lương Văn H (con trai) trồng năm 1999, 01 cây gỗ tạp tự mọc; yêu cầu gia đình bà Nông Kim T di dời các vật liệu xây dựng để xây nhà ra khỏi phần diện tích đất 929m^2 là phần còn lại của thửa số 02 tờ bản đồ số 26 gồm 01 đống đá hộc, 01 đống đá dăm, 01 đống gạch bê tông khoảng 1.000 viên; yêu cầu gia đình bà Nông Kim T chấm dứt hành vi tranh chấp đối với phần diện tích đất 929m^2. Ông C đã trồng cây chè cây năm 1980, cây cam năm 1999, gia đình đã có đơn yêu cầu giám định tuổi cây nhưng phía bị đơn đã không đồng ý. Trên đất còn có 02 cây bạch đàn do gia đình bà T trồng năm 2015, nay ông Chu cầu được quản lý và có trách nhiệm bồi thường cho bà Nông Kim Thanh với trị giá là 132.000 đồng theo Biên bản định giá tài.

Bị đơn bà Nông Kim T và người đại diện theo ủy quyền là anh Hoàng Viết T trình bày: Các yêu cầu của nguyên đơn đưa ra phía gia đình không chấp nhận vì thửa đất số 02, tờ bản đồ số 26 mang tên ông Hoàng Công T có tổng diện tích là 1.894,5m^2.

Về nguồn gốc đất tranh chấp, do ông bố mẹ chồng bà T là ông Hoàng Viết S và bà Trần Thị D để lại cho vợ chồng bà T từ năm 1978; bố mẹ chồng bà giao cho vợ chồng bà sử dụng bằng miệng, không lập văn bản, không có di chúc để lại, phần đất này bà đã yêu cầu cán bộ địa chính cho xem giấy tờ nhưng cán bộ địa chính không cho xem. Diện tích đất tranh chấp chưa được cấp sổ do có tranh chấp. Từ khi anh T lớn lên đã được cùng bố mẹ lên khu đất phát cỏ, trồng cây thông, cây bạch đàn, cây cam, cây chè. Sau khi trồng một số cây đã chết chỉ còn sót lại vài cây và gia đình cũng không khai thác, nhưng vẫn canh tác trên mảnh đất đó. Đến năm 2001 UBND tỉnh Lạng Sơn có chủ trương thu hồi một phần đất của gia đình bà để phục vụ làm đường lên nghĩa trang thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; gia đình được UNND xã H, huyện C gọi lên nhận tiền đền bù đối với diện tích đất bị thu hồi ở thửa số 02; tờ bản đồ số 26, số tiền nhận đền bù, người nhận tiền là ông Hoàng Công T nên bà không biết được nhận bao nhiêu tiền, số diện tích bị thu hồi bao nhiêu bà cũng không nắm rõ và phần diện tích còn lại bao nhiêu bà cũng đều không nắm được.

Sau khi thu hồi làm đường xong thì mảnh đất của gia đình bà bị chia làm hai gia đình bà vẫn tiếp tục canh tác phần đất còn lại. Đến năm 2003 gia đình ông Lương Văn C có thửa đất liền kề với thửa đất của gia đình bà, do quá trình làm đường theo chủ trương của tỉnh nên ranh giới là bờ đất do hai gia đình tự

quy ước đắp lên để ngăn cách hai thửa đất bị bào mòn đi (hiện nay không còn ranh giới) nên gia đình ông C đến tranh chấp với gia đình bà và nói đất gia đình bà đang sử dụng là thửa đất của nhà ông C, sau đó gia đình bà có đơn gửi lên UBND xã H, huyện C để giải quyết việc tranh chấp với gia đình ông C; dù được UBND xã H gọi lên để hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Sau khi có kết quả xem xét thẩm định, định giá, đo vẽ gia đình bà vẫn yêu cầu được quản lý sử dụng phần diện tích còn lại của thửa số 02 tờ bản đồ số 26 là 929m^2 đất tranh chấp theo như sơ họa đo vẽ gồm (S1+S2) và toàn bộ số cây có trên diện tích đất này. Đối với số cây chè do bố mẹ chồng bà là ông Hoàng Viết S và bà Trần Thị D trồng, bà và các con không biết năm trồng nhưng từ năm 1983 khi bà về làm dâu đã có cây chè trên, 02 cây bạch đàn bà trồng năm 2015, 01 cây cam bà trồng năm 2013, 01 cây gỗ tạp là tự mọc.

Còn 01 bụi tre gồm 98 cây do gia đình ông C trồng, bà không yêu cầu được quản lý, sử dụng vì không nằm trên diện tích đất tranh chấp. Còn các phần diện tích đất thuộc S3+S4 và các phần diện tích đất khác do gia đình bà chỉ tại thực địa sang thửa khác, gia đình bà không tranh chấp; về phần chi phí thẩm định, định giá, đo vẽ, giám định bản đồ do bên nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn V, anh Hoàng Viết B nhất trí với ý kiến của bà Nông Kim T và anh Hoàng Viết T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn H, chị Lương Thị B, bà Hà Thị Á nhất trí với ý kiến của ông Lương Văn C và chị Nguyễn Thị H.

Người làm chứng bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Ký N trình bày: Các ông bà là con của ông Hoàng Viết S và bà Trần Thị D. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp hiện nay là của bố mẹ các ông, bà đã cho vợ chồng ông Hoàng Công T và bà Nông Kim T từ năm 1978, chỉ cho bằng miệng, không có văn bản giấy tờ gì. Trước đây diện tích đất này trồng ngô, khoai, sắn …, các ông bà đều khẳng định bản thân đã đi nơi khác sinh sống, không liên quan, không tranh chấp gì đối với diện tích đất hiện nay.

Người làm chứng, chị Hoàng Thị D, chị Hoàng Thị T trình bày: Các chị là con ông Hoàng Văn É và bà Hoàng Thị Sl (đều đã chết). Về nguồn gốc đất tranh chấp các chị chỉ được nghe kể là ông nội Hoàng Viết S và bà nội Trần Thị D đã cho vợ chồng chú thím là ông Hoàng Công T và bà Nông Kim T vào năm 1978, việc cho này không có giấy tờ văn bản gì, chỉ cho bằng miệng, các chị khẳng định bản thân đã đi nơi khác sinh sống, không liên quan và cũng không tranh chấp gì đối với diện tích đất hiện nay.

Những người làm chứng bà Hà Thị K, bà Lầu Thị N là những người cao tuổi đều khẳng định năm 1979, 1980 họ cùng với gia đình ông Hoàng Công T có được ông Lương Văn C cho trồng nhờ các loại cây ngắn ngày như cây ngô, sắn, đỗ trắng. Nhưng sau khi xét xử sơ thẩm, lại khai nhận đất đang tranh chấp này các ông bà không được trồng nhờ các loại hoa màu như ông Lương Văn C trình bày.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/3/2021 thể hiện trên đất tranh chấp có 01 cây cam, 02 cây bạch đàn; 08 cây chè trên 05 năm, 02 cây chè dưới 02 năm, 01 cây gỗ tạp tự mọc; các đương sự đều thừa nhận 02 cây bạch đàn do phía bị đơn bà Nông Kim T trồng; 01 cây cây gỗ tạp tự mọc, còn 01 cây cam; 08 cây chè trên 05 năm, 02 cây chè dưới 02 năm, phía bên ông Lương Văn C xác định 01 cây cam do anh Lương Văn Hiếu trồng năm 1999, 08 cây chè trên 05 năm, 02 cây chè dưới 02 năm là do ông Lương Văn C trồng vào khoảng năm 1980; phía bên bà Nông Kim Th xác định 01 cây cam bà Nông Kim T trồng năm 2013; 08 cây chè trên 05 năm, 02 cây chè 02 năm do bố mẹ chồng bà trồng từ những năm 1983. Để có căn cứ xác định năm trồng của các loại cây trên phía nguyên đơn ông Lương Văn C đã có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định tuổi cây, tuy nhiên bà Nông Kim T không nhất trí cho cắt cây lấy mẫu giám định.

Tại Bản án số 03/2021/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc đã căn cứ các điều 1, 2, 3, 19, 73 của Luật đất đai 1993;

Căn cứ các điều 4, 5, 6, 10, 50 khoản 2 Điều 52, Điều 105, Điều 123 Luật đất đai 2003; và khoản 1, khoản 2 Điều 135 nghị định số 181/2004/NĐ- CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ các điều 3, 4, 26, 98, 99, 166, 203 của Luật đất đai 2013;

Căn cứ các điều 160, 161, 163, 164, 166, 189, 190, 221, 357, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9, khoản 14 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 161, Điều 162, khoản 1 Điều 165, Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 244, Điều 245, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn C.

1.1. Ông Lương Văn C được quyền quản lý và sử dụng 929m^2 đất vườn là phần còn lại của thửa đất số 02 tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã H, huyện C đo vẽ năm 2001 tại địa danh: Chè S, thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khu đất có kích thước và vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lương Văn C có cạnh dài A, B = 0,38m +15,31m +10,56m + 8,35m; phía Nam giáp đất ông Lương Văn C có cạnh dài E, D, M, F = 3,88m + 6,56m + 2,33m + 20,82m; phía Tây giáp đất ông Lương Văn C có cạnh dài E, A = 7,94m + 5,92 + 9,01m; phía Đông giáp đường nhựa đi Nghĩa trang Đ có cạnh dài B, C, F = 3,65m +5,59m + 12,40m +14,42m (theo mảnh trích đo ngày 14/4/2021).

(Có mảnh trích đo ranh giới, mốc giới; phụ lục bổ sung mảnh trích đo khu đất tranh chấp kèm theo).

Ông Lương Văn C có nghĩa vụ đăng ký, thực hiện thủ tục tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ông Lương Văn C được quyền sở hữu cây trồng hiện có trên đất gồm: 01 cây cam đường kính từ 07- 10cm, 02 cây bạch đàn đường kính 10- 20cm; 08 cây chè trên 05 năm, 02 cây chè dưới 02 năm, 01 cây gỗ tạp tự mọc đường kính 10 cm trên diện tích 929m^2 đất vườn tại địa danh: Chè S, thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là phần còn lại của thửa số 02 tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã H, huyện C đo vẽ năm 2001. Ông Lương Văn C phải thanh toán trị giá 02 cây bạch đàn cho bà Nông Kim T là 132.000 đồng (một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

2. Bà Nông Kim T và các con chấm dứt ngay hành vi tranh chấp 929m^2 đất vườn là phần còn lại của thửa số 02 tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã H, huyện C đo vẽ năm 2001 tại địa danh: Chè Slá, thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và phải di dời 01 đống đá hộc, 01 đống đá dăm, 01 đống gạch bê tông khoảng 1.000 viên ra khỏi diện tích đất 929m^2 đất vườn trả lại mặt bằng cho gia đình ông Lương Văn C và phải tự chịu chi phí di dời.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định bị đơn bà Nông Kim T kháng cáo Bản án sơ thẩm 03/2021/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể bà Nông Kim T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận quyền sử dụng ðất và giao quyền sử dụng diện tích ðất tại thửa ðất số 02 tờ bản ðồ số 26 diện tích 929m^2 theo kết quả đo vẽ của cơ quan chuyên môn cho bà Nông Kim Thanh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Hoàng Viết T, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nông Kim T, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chị Nguyễn Thị H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng gửi bài phát biểu: Việc bà Nông Kim T cho rằng khi thu hồi đất gia đình bà Nông Kim T được đền bù đất, nhưng thực tế gia đình bà Nông Kim T được đền bù là thửa số 13 không phải là thửa đất đang tranh chấp. Quá trình giải quyết tranh chấp tại cấp phúc thẩm bà Nông Kim T không cung cấp được các tài liệu chứng cứ mới. Phía ông Lương Văn C trình bày nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp là phù hợp với tài liệu chứng cứ do gia đình ông Lương Văn C nộp và tài liệu do cấp sơ thẩm thu thập cũng phù hợp với kết quả xem xét thẩm định, lồng ghép bản đồ và kết luận giám định tư pháp khẳng định diện tích đất các bên đang tranh chấp là nằm trong khoảnh 141 mà ông Lương Văn C được Nhà nước giao năm 1996. Việc ông Lương Văn C quản lý sử dụng đất là có căn cứ. Do vậy

đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác toàn bộ kháng cáo của bà Nông Kim T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn trình bày: Thửa đất số 02, diện tích là 1.894,5m^2, tờ bản đồ số 26 mang tên ông Hoàng Công T (đã chết). Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Hoàng Viết S và bà Trần Thị D (bố mẹ đẻ ông Hoàng Công T) cho vợ chồng ông Hoàng Công T và bà Nông Kim T từ năm 1978, cho bằng miệng, không có văn bản giấy tờ hay di chúc gì; địa chỉ khu đất có địa danh là Chè S, thuộc thôn N, xã Hồng P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do đất có tranh chấp nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi lớn lên anh Hoàng Viết T con trai bà Nông Kim T đã được cùng bố mẹ tôi lên khu đất phát cỏ, trồng cây thông, cây bạch đàn, cây cam, cây chè. Sau khi trồng một số cây đã chết chỉ còn sót lại vài cây và gia đình cũng không khai thác, nhưng vẫn canh tác trên mảnh đất đó.

Năm 2001 Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn có chủ trương thu hồi một phần đất của gia đình bà Nông Kim T để phục vụ làm đường lên nghĩa trang thị trấn Đ, gia đình bà Nông Kim T được nhận tiền đền bù đối với diện tích đất đã bị thu hồi ở thửa số 02; tờ bản đồ số 26, người nhận tiền đề bù do ông Hoàng Công T chồng bà Nông Kim T nhận, nên bà Nông Kim T không biết được bồi thường là bao nhiêu tiền, số diện tích bị thu hồi bao nhiêu bà T cũng không nắm được. Sau khi thu hồi, làm đường xong thì mảnh đất của gia đình bà Nông Kim T bị chia làm đôi, gia đình bà Nông Kim T vẫn tiếp tục canh tác phần đất còn lại.

Đến năm 2003 gia đình ông Lương Văn C là người cùng xã có thửa đất liền kề với thửa đất gia đình bà Nông Kim T đến tranh chấp vì trong quá trình làm đường ranh giới là bờ đất do hai gia đình tự quy ước đắp lên để ngăn cách hai thửa đất bị bào mòn đi, nay không còn ranh giới nên ông C nói đất gia đình bà Nông Kim T đang sử dụng là thửa đất của nhà ông C nên xảy ra tranh chấp. Gia đình bà Nông Kim T có đơn gửi lên UBND (Ủy ban nhân dân) xã H yêu cầu giải quyết việc tranh chấp với gia đình ông C. UBND xã H đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng hai bên không thỏa thuận được.

Nay bà Nông Kim T yêu cầu được quản lý toàn bộ các loại cây trồng nêu trên; về phần chi phí thẩm định, định giá, đo vẽ, giám định bản đồ do bên nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 285, 286, 292 Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, về thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại các điều 259, 293, 296, 297, 298, 303, 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm, chuẩn bị khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, xem xét việc có người vắng mặt tại phiên tòa, hỏi về kháng cáo, kháng nghị về thứ tự và nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa và trình tự phát biểu khi tranh luận, về tạm ngừng phiên tòa.

Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự: Ổn định phiên tòa, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra và báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án dân sự:

Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Bà Nông Kim Thanh kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Chu, công nhận quyền quản lý sử dụng đất tranh chấp cho gia đình bà Nông Kim Thanh.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Ông Lương Văn C cho rằng đất tranh chấp trước năm 1979 là rừng hồi của gia đình, còn bà Nông Kim T cho rằng đất tranh chấp do bố mẹ chồng bà khai phá để lại cho vợ chồng bà từ năm 1978 nhưng không ai đưa ra được căn cứ để chứng minh. Về quá trình quản lý, sử dụng: Ông Lương Văn C trồng cây hồi khoảng năm 1979-1989 và cho một số hộ dân trồng nhờ trong đó có ông Hoàng Công T chồng bà Nông Kim T, hiện trên đất vẫn còn các cây cam, cây quýt, cây chè do gia đình ông Lương Văn C trồng. Năm 1996 ông được nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng diện tích 1,52ha, khoảnh 141, năm 1997 đo đạc bản đồ địa chính ông Ty đứng ra nhận đất với đơn vị đo đạc nên có tên trong sổ giao nhận diện tích, sau đó ông Lương Văn C có ý kiến nên diện tích đất tranh chấp đến nay chưa được cấp GCNQSDĐ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho ai. Năm 2001 Nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa 02 để làm dự án đường nghĩa trang, diện tích thu hồi 487,9m^2. Lời khai của ông Lương Văn C phù hợp với hồ sơ thu hồi đất (BL 283; 326-332). Gia đình bà Nông Kim T cũng cho rằng cây trên đất là do gia đình bà trồng, năm 2001 ông T bị thu hồi đất và được bồi thường trên một phần diện tích đất tranh chấp tuy nhiên theo hồ sơ bồi thường diện tích đất ông T bị thu hồi không phải diện tích đất hiện đang tranh chấp. Đồng thời, năm 2016 xảy ra việc anh Tiệp con trai bà Nông Kim T chặt phá cây hồi do ông Chu trồng, ông C đã báo công an giải quyết, tại cơ quan điều tra anh Hoàng Viết T thừa nhận được chặt phá các cây hồi do ông Lương Văn C trồng. Do đó, có cơ sở xác định gia đình ông Lương Văn C có quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Tại cấp phúc thẩm bà Nông Kim T đề nghị giám định tuổi cây quýt và cây chè, tại Kết luận giám định ngày 07/01/2022 xác định cây quýt có tuổi là 17 năm, cây chè có tuổi 19 năm (sai số ước tính cộng, trừ 1 năm tuổi), tương đương cây quýt trồng năm 2003-2005, cây chè trồng năm 2001-2003. Như vậy, kết quả giám định không phù hợp với lời khai của ông Lương Văn C và bà Nông Kim T về năm trồng các cây chè là từ 1980-1983, trồng cây quýt năm 1999 nhưng lời khai của ông Lương Văn C về thời gian trồng cây quýt, chè gần với kết quả giám định nên có cơ sở hơn.

Đồng thời, lời khai của ông Lương Văn C về quá trình quản lý, sử dụng đất cũng phù hợp với kết luận giám định tư pháp ngày 12/5/2021 và văn bản giải thích về kết luận giám định tư pháp ngày 16/6/2021 và phụ lục bổ sung mảnh trích đo địa chính số 24-2021 ngày 27/5/2021 và Công văn số 3690/UBND-TNMT ngày 24/12/2021 của UBND huyện C, xác định: Diện tích đất tranh chấp 929m^2 thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 26 đo đạc năm 1997 trùng với khoảnh 141 gia đình ông Lương Văn C được cấp sổ bìa xanh năm 1996 và trùng với thửa 255, 326 theo bản đồ đất lâm nghiệp năm 2009, thửa 255 gia đình ông Lương Văn C đã được cấp GCNQSDĐ, còn thửa 326 chưa được quy chủ quản lý, sử dụng, chưa được cấp GCNQSDĐ, UBND huyện C có ý kiến, sau khi có quyết định của Tòa án thì hộ gia đình cá nhân sử dụng đất có thể được xem xét cấp GCNQSDĐ.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, gia đình ông Lương Văn C có quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp, năm 1996 được cấp sổ bìa xanh, hằng năm có trồng cây trên đất, năm 2001 được nhận tiền bồi thường do nhà nước thu hồi đất. Do đó, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn C là có căn cứ, bà Nông Kim T kháng cáo yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Tại cấp phúc thẩm bà Nông Kim T có đơn đề nghị miễn án phí do là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí cho bà Nông Kim T.

Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Do kết quả giám định phù hợp với lời khai của ông Lương Văn C nên bà Nông Kim T phải chịu chi phí tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hộ đồng xét xử áp dụng quy định khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nông Kim T, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi liên quan nhưng có mặt

người đại diện theo ủy quyền. Những người làm chứng đã được triệu tập nhiều lần. Xét thấy việc vắng mặt những người này nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 229, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về phạm vi, nội dung kháng cáo: Tại đơn kháng cáo ngày 28-7-2021, bà Nông Kim T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn C, đề nghị cấp phúc thẩm công nhận và giao quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 26, diện tích 929m^2 theo kết quả đo vẽ của cơ quan chuyên môn cho bà Nông Kim T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nông Kim T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tại đơn đề ngày 28-7-2021, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 28-7-2021 của bà Nông Kim T.

[3] Xét kháng cáo của bà Nông Kim Thanh về yêu cầu được công nhận và giao quyền quản lý, sử dụng diện tích 929m^2 thửa đất số 02, thấy rằng:

[4] Về nguồn gốc thửa đất và quá trình sử dụng đất, có cơ sở xác định toàn bộ thửa đất số 02 có nguồn gốc của gia đình ông Lương Văn C, trước năm 1979 là rừng hồi, sau đó một số hộ dân lên trồng cây ngắn ngày trong đó có gia đình ông Hoàng Công T, khi các hộ dân và gia đình ông Hoàng Công T không làm nữa gia đình ông lại tiếp tục quản lý, sử dụng. Đến năm 1996 thì ông được Nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng theo hồ sơ số 158 ngày 12/12/1996 với diện tích là 1,52 ha thuộc Khoảnh 141; đến năm 2001 thì Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất để làm Dự án đường trục chính nghĩa trang Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Tại Biên bản xác minh ngày 06/4/2021, Uỷ ban nhân dân xã H đã khẳng định việc gia đình ông Hoàng Công T được thu hồi và đền bù là thửa đất số 13 (theo hồ sơ đền bù) và chính là thửa đất số 99 (theo bản đồ địa chính số 26). Việc gia đình ông Hoàng Công T có tên trong Sổ giao nhận diện tích là do quá trình đo đạc, quy chủ đã nhầm lẫn chủ sử dụng đất.

[6] Tại Kết luận giám định tư pháp của Giám định viên ngày 12/5/2021 đã kết luận: Phần đất tranh chấp 929m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ gia đình ông Lương Văn C và bà Hà Thị Á. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Hoàng Văn T giám định viên tư pháp khẳng định, diện tích đất 929m^2 hai bên đương sự đang tranh chấp thuộc khoảnh 141 mà Nhà nước đã giao quyền quản lý, sử dụng theo Hồ sơ đăng ký số 158 ngày 12/12/1996 cho ông Lương Văn C. Việc khẳng định trên dựa vào kết quả đo đạc, kết quả giám định, lồng ghép bản đồ đất Lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000 và bản đồ địa chính 1/1000.

[7] Kết quả giám định tuổi cây: Cây Cam (Quýt) có tuổi đời 17 ± 1 năm tuổi; cây Chè có tuổi đời 19 ± 1 năm tuổi. Như vậy các bên đều đưa ra ý kiền gia đình được trồng đều không trùng khớp với kết quả giám định. Tuy nhiên, Gia đình ông Lương Văn C đưa ra ý kiến sát hơn với tuổi thực của cây. Mặt khác xung quanh đất tranh chấp đều thuộc gia đình ông Lương Văn C quản lý và khi

giải phóng mặt bằng người nhận tiền đền bù là gia đình ông Lương Văn C, Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1996 do ông Lương Văn C đứng tên khoảnh 141. Khi giải phòng mặt bằng thì gia đình ông Lương Văn C nhận tiền đền bù thửa đất số 05 (theo Hồ sơ đền bù) là thửa số 02 (theo bản đồ địa chính), còn ông Hoàng Công Ty nhận tiền đền bù ở thửa đất số 13 (theo Hồ sơ đền bù) chính là thửa đất số 99 (theo bản đồ địa chính số 26). Việc gia đình ông Hoàng Công T có tên trong Sổ giao nhận diện tích là do quá trình đo đạc, quy chủ đã nhầm lẫn quy chủ sử dụng đất. Tại phiên tòa bà Nông Kim T do anh Hoàng Viết T không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho việc kháng cáo của mình.

[8] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần công nhận quyền sử dụng đất đối với 929m^2 thuộc thửa đất số 02 tờ bản đồ số 26, Bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do tại cấp phúc thẩm đã tiến hành cắt 01 cây Cam (Quýt) và 01 cây Chè để đi giám định tuổi cây, nên cần sửa một phần lời tuyên về quản lý các cây hiện có còn lại trên phần đất ông Lương Văn C được quyền quản lý.

[9] Chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện ông Lương Văn C được chấp nhận, cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nội dung, do đó, nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí giám định bà Nông Kim T phải chịu chi phí này.

[10] Về án phí: Do bà Nông Kim T là người cao tuổi, tại cấp phúc thẩm, ngày 07/01/2022 đã có đơn xin miễn án phí. Do vậy Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần án phí, miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nông Kim T. Việc miễn án phí dân sự sơ thẩm là do khách quan.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nông Kim T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST, ngày 14-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn về phần nội dung vụ án, nhưng sửa về lời tuyên đối với phần quản lý các cây trên đất, cụ thể như sau:

1.1. Ông Lương Văn C được quyền quản lý và sử dụng 929m^2 đất vườn là phần còn lại của thửa đất số 02 tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã H, huyện C đo vẽ năm 2001 tại địa danh: Chè S, thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khu đất có kích thước và vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lương Văn C có cạnh dài A, B = 0,38m +15,31m +10,56m + 8,35m; phía Nam giáp đất ông

Lương Văn C có cạnh dài E, D, M, F = 3,88m + 6,56m + 2,33m + 20,82m; phía Tây giáp đất ông Lương Văn C có cạnh dài E, A = 7,94m + 5,92 + 9,01m; phía Đông giáp đường nhựa đi Nghĩa trang Đ có cạnh dài B, C, F = 3,65m + 5,59m + 12,40m +14,42m (theo mảnh trích đo ngày 14/4/2021).

(Có mảnh trích đo ranh giới, mốc giới; phụ lục bổ sung mảnh trích đo khu đất tranh chấp kèm theo).

Ông Lương Văn C có nghĩa vụ đăng ký, thực hiện thủ tục tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ông Lương Văn C được quyền sở hữu cây trồng hiện có trên đất gồm: 02 (hai) cây bạch đàn đường kính 10- 20cm; 07 (bảy) cây chè trên 05 năm, 02 (hai) cây chè dưới 02 năm, 01 (một) cây gỗ tạp tự mọc đường kính 10 cm trên diện tích 929m^2 đất vườn tại địa danh: Chè S, thôn N, xã Hồng Phong, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là phần còn lại của thửa số 02 tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã H, huyện C đo vẽ năm 2001. Ông Lương Văn C phải thanh toán trị giá 02 (hai) cây bạch đàn cho bà Nông Kim T là 132.000 đồng (một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

2. Bà Nông Kim T và các con chấm dứt ngay hành vi tranh chấp 929m^2 đất vườn là phần còn lại của thửa số 02 tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã H, huyện C đo vẽ năm 2001 tại địa danh: Chè S, thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và phải di dời 01 đống đá hộc, 01 đống đá dăm, 01 đống gạch bê tông khoảng 1.000 viên ra khỏi diện tích đất 929m^2 đất vườn trả lại mặt bằng cho gia đình ông Lương Văn C và phải tự chịu chi phí di dời.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nông Kim T phải chịu chi phí tố tụng số tiền giám định tuổi cây là 7.290.000 đồng (bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), xác nhận bà Nông Kim T đã nộp đủ số tiền này. Bà Nông Kim T được trả lại số tiền còn lại 1.210.000 đồng (một triệu hai trăm mười nghìn đồng) xác nhận anh Hoàng Viết T, người đại diện theo ủy quyền của bà Nông Kim T đã nhận đủ số tiền này theo biên bản thanh toán tiền chi phí tố tụng ngày 26/01/2022.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: Bà Nông Kim Thanh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nông Kim T. Trả lại bà Nông Kim Thanh 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số AA/2016/0002341, ngày 03/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP, P. KTNV&THA;
- TAND huyện Cao Lộc;
- CCTHADS Cao Lộc;
- Các đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Đức Trí

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lộc Sơn Thái

Cao Đức Chiến

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Đức Trí